

BÀI TẬP ÔN TẬP HỀ MÔN NGỮ VĂN

Bài tập 1:

Khoanh tròn vào chữ các đứng trước câu trả lời đúng:

Từ ghép chính phụ là từ ghép như thế nào?

- A. Từ có hai tiếng có nghĩa.
- B. Từ được tạo ra từ một tiếng có nghĩa.
- C. Từ có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp .
- D. Từ ghép có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính.

Bài tập 2:

Hãy sắp xếp các từ sau đây vào bảng phân loại từ ghép:

Học hành, nhà cửa, xoài tượng, nhãn lồng, chim sâu, làm ăn, đất cát, xe đạp, vôi ve, nhà khách, nhà nghỉ.

Từ ghép chính phụ	
Từ ghép đẳng lập	

Bài tập 3:

Nối một từ ở cột A với một từ ở cột B để tạo thành một từ ghép hợp nghĩa.

A	B
Bút	tôi
Xanh	mắt
Mưa	bi
Vôi	gặt
Thích	ngắt
Mùa	ngâu

Bài tập 4:

Xác định từ ghép trong các câu sau:

- a. Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan
- b. Nếu không có điệu Nam ai
Sông Hương thức suốt đêm dài làm chi.
Nếu thuyền độc mộc mất đi
Thì hồ Ba Bể còn gì nữa em.
- c. Ai ơi bưng bát cơm đầy.
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Câu	Từ ghép đẳng lập	Từ ghép chính phụ
a		
b		
c		

Bài tập 5 :

Tìm các từ ghép trong đoạn văn sau và cho chúng vào bảng phân loại:

“Mưa phùn đem mùa xuân đến, mưa phùn khiến những chân mạ gieo muộn nảy xanh lá mạ. Dây khoai, cây cà chua rờm rà xanh rợn các trắng ruộng cao. Mầm cây sau sau, cây nhội hai bên đường nảy lộc, mỗi hôm trông thấy mỗi khác.
...Những cây bằng lăng mùa hạ ồm yếu lại nhú lộc. Vàng lộc non nảy ra. Mưa bụi ẩm áp. Cái cây được cho uống thuốc.”

Từ ghép chính phụ	
Từ ghép đẳng lập	

Bài tập 6.

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng .

1. Từ láy là gì?

- A. Từ có nhiều tiếng có nghĩa.
- B. Từ có các tiếng giống nhau về phụ âm đầu.
- C. Từ có các tiếng giống nhau về vần.
- D. Từ có sự hòa phối âm thanh dựa trên cơ sở một tiếng có nghĩa.

2. Trong những từ sau từ nào không phải từ láy.

- A. Xinh xắn. B. Gần gũi. C. Đông đủ. D. Dễ dàng.

3. Trong những từ sau từ nào là từ láy toàn bộ ?

- A. Mạnh mẽ. B. Âm áp.
- C. Mong manh. D. Thăm thẳm.

Bài tập 7:

Hãy sắp xếp các từ sau vào bảng phân loại từ láy:

“Long lanh, khó khăn, vi vu, linh tinh, loang loáng, lấp lánh, thoang thoảng, nhỏ nhắn, ngời ngời, bòn chòn, hiu hiu.”

Từ láy toàn bộ	
Từ láy bộ phận	

Bài tập 8.

Điền thêm các từ để tạo thành từ láy.

- Rào ;bấm;tùm; ...nhè; ...lùng; ...chít; trong... ; ngoan...
; lòng... ; mịn... ; bực.... ; đẹp....

Bài tập 9:

Cho nhóm từ sau:

“Bon bon, mờ mờ, xanh xanh, lặng lặng, cứng cứng, tím tím, nhỏ nhỏ, quặm quặm, ngóng ngóng”.

Tìm các từ láy toàn bộ không biến âm, các từ láy toàn bộ biến âm?

* Các từ láy toàn bộ không biến âm:

* Các từ láy toàn bộ biến âm:

Bài tập 10:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

1. Chữ “*thiên*” trong từ nào sau đây không có nghĩa là “*trời*”?

A. Thiên lí. B. Thiên thư. C. Thiên hạ. D. Thiên thanh.

2. Từ Hán Việt nào sau đây không phải là từ ghép đẳng lập?

A. Xã tắc. B. Quốc kì. C. Sơn thủy. D. Giang sơn.

Bài tập 11:

Giải thích ý nghĩa của các yếu tố Hán – Việt trong thành ngữ sau:

“*Tứ hải giai huynh đệ*”

Bài tập 12:

Xếp các từ sau vào bảng phân loại từ ghép Hán Việt: “*Thiên địa, đại lộ, khuyến mã, hải đảo, kiên cố, tân binh, nhật nguyệt, quốc kì, hoan hỉ, ngư nghiệp*”

Từ ghép đẳng lập	-
Từ ghép chính phụ	

Bài tập 13:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

1. Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “*thi nhân*”?

A. Nhà văn. B. Nhà thơ. C. Nhà báo. D. Nghệ sĩ.

2. Yếu tố “*tiền*” trong từ nào sau đây không cùng nghĩa với những yếu tố còn lại?

- A. Tiền tuyền. B. Tiền bạc. C. Cửa tiền. D. Mặt tiền .

Bài tập 14:

Điền từ thích hợp vào các câu dưới đây: “**Nhanh nhẩu, nhanh nhẹn, nhanh chóng**”.

- a) Công việc đã được hoàn thành
- b) Con bé nói năng
- c) Đôi chân Nam đi bóng rất

Bài tập 15:

Xếp các từ sau vào các nhóm từ đồng nghĩa.

Chết, nhìn, cho, chăm chỉ, hi sinh, cần cù, nhòm, siêng năng, tạ thế, biếu, cần mẫn, thiệt mạng, liếc, tặng, dòm, chịu khó.

Từ đồng nghĩa hoàn toàn	
Từ đồng nghĩa không hoàn toàn	

* Hoặc có thể xếp như sau :

- a) chết, hi sinh, tạ thế, thiệt mạng
- b) nhìn, nhòm, ngó, liếc, dòm
- c) cho, biếu, tặng
- d) kêu, ca thán, than, than vãn
- e) chăm chỉ, cần cù, siêng năng, cần mẫn, chịu khó
- g) mong, ngóng, trông mong

Bài tập 16:

Tìm các từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ sau:

- a) Thân em như củ ấu gai
Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen

- b) Anh em như chân với tay
Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần
- c) Người khôn nói ít hiểu nhiều
Không như người dại lắm điều rườm tai
- d) Chuột chù chê khỉ rằng "Hôi!"
Khỉ mới trả lời: "cả họ mày thom!"

Bài tập 17:

Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các câu tục ngữ sau:

- a) Một miếng khi đói bằng một gói khi.....
- b) Chết.....còn hơn sống đục
- c) Xét mình công ít tội
- d) Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại
- e) Nói thì.....làm thì khó
- g) Trước lạ sau.....

Bài tập 18:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng .

1. Từ nào là đại từ trong câu ca dao sau :

Ai đi đâu đấy hỏi ai

Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm.

- A. Ai. B. Trúc. C. Mai. D. Nhớ.

2. Đại từ tìm được ở trên được dùng để làm gì?

- A, Trỏ người B.Trỏ vật. C. Hỏi người. D. Hỏi vật.

3. Từ “bác” trong ví dụ nào dưới đây được dùng như đại từ xưng hô?

- A. Anh Nam là con trai của bác tôi.
- B. Người là Cha là Bác là Anh.
- C. Bác được tin rằng \ Cháu làm liên lạc.
- D. Bác ngồi đó lớn mênh mông.

4. Trong câu “Tôi đi đứng oai vệ” đại từ “tôi” thuộc ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ hai. B. Ngôi thứ ba số ít.
C. Ngôi thứ nhất số nhiều. D. Ngôi thứ nhất số ít.

5. Nối một dòng ở cột A với một dòng ở cột B sao cho phù hợp?

A		B	
1	Bao giờ	1	Hỏi về người và vật.
2	Bao nhiêu	2	Hỏi về hoạt động tính chất sự vật.
3	Thế nào	3	Hỏi về số lượng
4	Ai	4	Hỏi về thời gian.